



GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM HƯỚNG TỚI NỀN KINH TẾ TRÍ THỨC

GS. TS. NGUYỄN THANH TUYỀN *

I. NHỮNG ĐẶC TÍNH CƠ BẢN CỦA KINH TẾ TRÍ THỨC NHÌN TRÊN GÓC ĐỘ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO.

Kinh tế trí thức đang hiện hữu trong đời sống kinh tế - xã hội ở các nước phát triển. Trong xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế, mục tiêu hiện đại hóa kinh tế và tiến tới nền kinh tế trí thức được đặt ra như một yêu cầu tất yếu của các nước đang phát triển. Trong đó, mỗi nước có con đường đi khác nhau để đến đích. Là một nước đang phát triển, Việt Nam cũng chọn con đường đi riêng và coi như đây vừa là cơ hội vừa là thách thức để tiếp cận thâm nhập và hội nhập thực sự với nền kinh tế trí thức bằng con đường ngắn nhất. Để có định hướng và bước đi nhanh, vững chắc đến nền kinh tế trí thức, đặc biệt nhìn trên góc độ quan hệ với sự nghiệp giáo dục-đào tạo, trước hết cần lĩnh hội được nội dung và những đặc tính cơ bản của chính nền kinh tế đó.

Như đã biết, những khái niệm, định nghĩa về nền kinh tế trí thức đã được đề cập khá nhiều về lý luận và thực tiễn với những cách tiếp cận khác nhau. Ở đây chúng tôi chỉ giới hạn tới những đặc tính chủ yếu của kinh tế trí thức nhằm xác lập tầm nhìn và cách

tiếp cận đối với bước đường hội nhập nền kinh tế trí thức đó của Việt Nam. Bằng cách nhìn đó chúng tôi chỉ xin nêu những đặc tính cơ bản của nền kinh tế trí thức, có liên quan đến việc hình thành các quan điểm về giáo dục đào tạo để phục vụ cho mục đích được đề cập ở trên như sau :

- Kinh tế trí thức là nền kinh tế hậu công nghiệp, có trình độ phát triển cao và được dẫn dắt bởi trí thức, thông qua những sản phẩm trí tuệ (phát minh, sáng chế, sáng tạo và kỹ năng cao trong lao động...) với việc dựa vào các ngành khoa học công nghệ và kinh tế trụ cột như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, tài chính, ngân hàng, tiền tệ... Hoạt động của nó thấm sâu vào toàn bộ sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế.

- Trí thức đã trở thành nguồn tài nguyên chính yếu của nền kinh tế và quyết định trực tiếp đến sự phát triển của lực lượng sản xuất. Có thể nói khác là khoa học thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và quyết định đến các động thái của quá trình phát triển kinh tế-xã hội.

- Trí thức được coi như vừa là nguồn vốn cơ bản (tư bản-tư liệu sản

xuất) vừa là động lực của tiến trình kinh tế và để trí thức phát triển cũng cần phải "tái sản xuất" và "tích tụ" nó như tích tụ vốn trong xã hội công nghiệp. Có thể so sánh một cách đại thể, nếu trong thời đại công nghiệp vốn là yếu tố có tính chất tiền đề vừa là cơ sở của quá trình tái sản xuất thì trí tuệ trong nền kinh tế trí thức vừa là tiền đề vừa là cơ sở vừa là động lực của mọi hoạt động kinh tế.

- Sản phẩm của trí tuệ từ khi được sản sinh đến ứng dụng hoặc hiện thực hóa thành công nghệ-sản xuất, đi vào đời sống kinh tế được rút ngắn rất nhiều thời gian so với thời đại công nghiệp, đồng thời mang lại hiệu quả cao. Mặt khác sự biến đổi "hình thái" của sản phẩm trí tuệ cũng diễn ra rất mau lẹ và phát triển không ngừng.

- Trong nền kinh tế trí thức, thực thể cấu thành sản phẩm hàng hóa chứa đựng hàm lượng chất xám cao. Trí thức trở thành một loại "hàng hóa đặc biệt" và cạnh tranh quyết liệt trên thị trường thông qua công nghệ chuyển giao trí thức và chuyển giao trí thức chiếm thị phần chủ yếu trong nền kinh tế đó.

- Trí thức điều khiển trực tiếp hầu hết các hoạt động trong nền kinh

tế. Theo đó, làm thay đổi kết cấu lao động ngành nghề theo hướng thu hẹp lao động trong các ngành “sản xuất trực tiếp” và mở rộng các ngành “phi vật thể” như phần mềm công nghệ tin học, thông tin liên lạc, các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ có hàm lượng trí tuệ cao.

- Lao động có học vấn là đặc trưng cơ bản của nền kinh tế tri thức. Do đó quá trình phát triển của nền kinh tế tri thức cũng chính là quá trình tri thức hóa và kỹ năng hóa lao động trong mọi lĩnh vực hoạt động. Như vậy xã hội kinh tế tri thức thực sự trở thành một xã hội học tập. Điều này cũng có ý nghĩa là khẳng định vai trò có tính quyết định của giáo dục đào tạo trong xã hội đó...

Từ những phân tích trên, cho thấy rằng, trong nền kinh tế tri thức, tri thức con người thâm nhập và tác động trực tiếp vào mọi lĩnh vực hoạt

hiện nay còn quá sớm bởi Việt Nam là một nước chậm phát triển: một trong mười nước có mức sống thấp nhất thế giới; gần 80% là nông dân; cơ cấu kinh tế-xã hội còn lạc hậu; các ngành kinh tế mũi nhọn, có hàm lượng chất xám cao còn ít; đội ngũ tri thức còn mỏng, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao so với các nước, ngay cả một số nước Đông Nam Á. Thực tế đó không thể phủ nhận. Song với xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu, cũng đặt trước chúng ta cơ hội của sự “thăng tiến” và thách thức của sự tụt hậu. Điều đó buộc chúng ta cần phải lựa chọn con đường đi của mình. Tất nhiên Việt Nam không thể đứng ngoài xu thế nói trên. Công cuộc đổi mới của chúng ta suy cho cùng đang hướng tới tìm cơ hội nhảy vọt trong tiến trình hội nhập. Để hội nhập kinh tế quốc tế, trước tiên Việt Nam phải tăng tốc công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa bằng con

Những tiền đề và điều kiện đề cập trên phải được gắn kết trong mối quan hệ hữu cơ giữa một chính sách “kinh tế mở” nhất quán của Đảng và Nhà nước với phát triển nhanh công nghệ mũi nhọn của tiến bộ khoa học công nghệ; đi đôi với một quốc sách giáo dục-đào tạo toàn diện được đặt lên hàng đầu và phát triển phù hợp với xu thế tri thức hóa kinh tế toàn cầu.

Tóm lại, hội nhập kinh tế toàn cầu và kinh tế tri thức là xu thế tất yếu đối với các nước đang phát triển, Việt Nam cũng không nằm ngoài bối cảnh lịch sử này và trong đó giáo dục, đào tạo giữ vị thế có tính chất quyết định.

III. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ CƠ BẢN CỦA SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VIỆT NAM TIẾN ĐẾN NỀN KINH TẾ TRI THỨC

Những nội dung được đề cập ở 2 phần trên đều là những áp lực nặng nề đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo Việt Nam trong bước tiếp cận và hội



động của xã hội. Do đó đầu tư cho con người là quan trọng nhất và đầu tư cho con người cũng là đầu tư cho phát triển và cho tương lai. Đầu tư cho con người chủ yếu là đầu tư về học vấn và tri thức. Tất cả những điều đó cũng chính là đặt nặng lên vai sự nghiệp giáo dục-đào tạo, hay nói cách khác, giáo dục-đào tạo giữ vai trò trung tâm trong nền kinh tế tri thức và sự phát triển của nó phụ thuộc phần lớn vào giáo dục-đào tạo, trong đó giáo dục-đại học có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

II. TÍNH TẤT YẾU CỦA VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP KINH TẾ TOÀN CẦU VÀ NỀN KINH TẾ TRI THỨC

Khi đề cập đến nền kinh tế tri thức trong điều kiện Việt Nam hiện nay, vẫn còn có những cách nhìn khác nhau. Một số ý kiến cho rằng, đề cập đến nền kinh tế tri thức ở Việt Nam

đường đi ngắn nhất hay “đi tắt, đón đầu”. Muốn vậy, ngay trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa chúng ta phải kết hợp phát triển kinh tế - xã hội theo 2 tốc độ : tốc độ *phát triển tuần tự* và *phát triển nhảy vọt*. Điều này cũng chính là sự đan xen giữa kinh tế của xã hội công nghiệp với kinh tế tri thức, bằng sự áp dụng những thành tựu mới nhất trong cách mạng khoa học công nghệ của thời đại. Như vậy để tránh tụt hậu và hội nhập kinh tế toàn cầu, vấn đề xây dựng nền kinh tế tri thức cho Việt Nam, cần phải được đặt ra ngay từ bây giờ để tạo tiền đề, điều kiện và định hướng cho nền kinh tế tri thức phôi thai, phát triển và hội nhập. Để mắt cơ hội này có nghĩa là mở rộng khoảng cách tụt hậu với thế giới đương đại.

nhập với nền kinh tế tri thức của thế giới. Xuất phát từ đó, chúng tôi xin nêu lên một số định hướng chung của sự nghiệp giáo dục đào tạo và nhiệm vụ cơ bản của đào tạo trong tiến trình đó như sau :

1. Những định hướng chung của sự nghiệp giáo dục và đào tạo

Bắt nguồn từ mối quan hệ hữu cơ và biện chứng giữa giáo dục và đào tạo, do vậy khi nói đến nhiệm vụ của giáo dục đại học, không thể không đề cập đến những định hướng chung của sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong quá trình tiếp cận và hội nhập vào nền kinh tế tri thức. Những định hướng chung đó là :

Thứ nhất, đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục toàn dân; nâng cao dân trí bằng việc phổ cập các cấp giáo dục ở

những trình độ bắt buộc đối với thành thị, nông thôn, vùng sâu, vùng xa, miền núi... để đáp ứng cho mỗi thời kỳ phát triển của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tạo "hành trang" tiến vào kinh tế tri thức;

Thứ hai, kết hợp tối ưu giữa giáo dục dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, thích ứng với bước đi của Việt Nam trên xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu;

Thứ ba, xác lập cơ cấu hợp lý các lĩnh vực ngành và các cấp đào tạo (chuyên nghiệp, đại học, sau đại học...) cũng như các phương thức đào tạo phù hợp với tiến trình "cách mạng" khoa học công nghệ và quản lý nền kinh tế hiện đại. Trên những định hướng chung đó, với vai trò đặc biệt trong hệ thống giáo dục và đào tạo, giáo dục đại học (đại học, cao đẳng) cần xác định những phương hướng thích hợp cho quá trình đó.

2. Phương hướng giáo dục đại học

Nhiệm vụ giáo dục đại học để tiến tới nền kinh tế tri thức ở Việt Nam, phải gắn với các yêu cầu sau:

- Tiếp tục công cuộc cải cách toàn diện và đồng bộ cơ cấu, mục tiêu, chương trình và phương pháp đào tạo bậc đại học, nhằm nhanh chóng liên thông với hệ đào tạo quốc tế.

- Kết hợp tối ưu giữa đào tạo nhân lực cho tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa với tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho quá trình "tiếp cận", "thâm nhập" và "hội nhập" vào nền kinh tế tri thức.

- Áp dụng mọi biện pháp và hình thức đào tạo để nhanh chóng tạo nguồn nhân lực nhân tài đáp ứng cho lộ trình đi tắt đón đầu đến nền kinh tế tri thức.

Bắt nguồn từ những yêu cầu đó, theo chúng tôi, giáo dục đại học Việt Nam cần tập trung vào các định hướng chủ yếu sau:

2.1 Tổ chức lại mạng lưới và cơ cấu đào tạo đại học theo hướng bảo đảm nguồn nhân lực cho quá trình hiện đại hóa trên các lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế quốc dân và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo nền móng vững chắc để tiến vào nền kinh tế tri thức, cụ thể:

- Mở rộng hệ thống các trường đại học, đại học cộng đồng ở địa phương hoặc cụm địa phương (tiểu vùng), nếu hội đủ các điều kiện về kinh tế-xã hội-dân trí, nhằm bảo đảm nguồn nhân lực có trình độ cao cho địa phương.

- Xây dựng các trường cao đẳng đa ngành, đa lĩnh vực hoặc cao đẳng cộng đồng ở địa phương để tạo nguồn nhân lực tại chỗ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội phù hợp với trình độ và đặc điểm kinh tế-xã hội của từng địa phương. Việc mở rộng hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng như trên

vừa từng bước trí thức hóa nguồn nhân lực vừa tạo môi trường bền vững cho sự hình thành một xã hội học tập, nhân tố quan trọng để tiến tới nền kinh tế tri thức ở Việt Nam.

- Xây dựng hệ thống các trường đại học trọng điểm quốc gia hoặc vùng (khu vực) để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nhân tài, đặc biệt là cho các ngành mũi nhọn của tiến bộ khoa học công nghệ. Đồng thời phải đầu tư thích đáng, đồng bộ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và các điều kiện phục vụ đáp ứng yêu cầu của một nền giáo dục đại học hiện đại. Mặt khác, cần mở rộng quyền tự chủ trong quản lý đại học, nhằm phát huy mọi tiềm năng cũng như tính năng động, sáng tạo trong giáo dục đại học nhằm đạt tới mục tiêu hàng đầu là chất lượng và hiệu quả trong đào tạo.

2.2 Xác lập một tương quan hợp lý giữa đào tạo cơ bản và ứng dụng triển khai công nghệ: Trong đó đào tạo cơ bản cần ưu tiên đào tạo các nhà khoa học tài năng. Điều này cũng có nghĩa là cần có chế độ tuyển chọn nghiêm túc từ đầu vào, đến áp dụng chế độ ưu đãi trong đào tạo và phân nhiệm phù hợp với năng lực của họ. Việc đào tạo đội ngũ khoa học cơ bản có tài năng nhằm đáp ứng yêu cầu: nắm bắt, vận dụng, đón đầu với các trào lưu của tiến bộ khoa học công nghệ để hình thành chiến lược khoa học-công nghệ thích ứng một cách nhạy bén đối với Việt Nam trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tiếp cận với nền kinh tế tri thức. Đối với đào tạo đội ngũ chuyên gia ứng dụng và triển khai công nghệ, cần tập trung vào các ngành mũi nhọn của tiến bộ khoa học công nghệ thời đại, như: công nghệ tin học (chủ yếu là phần mềm tin học), công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ năng lượng mới và công nghệ tự động hóa. Thực tế ở Việt Nam hiện nay không thiếu cử nhân đại học, nhưng thiếu khá trầm trọng những nhà chuyên môn thực tài, đặc biệt là các nhà chuyên môn có trình độ kỹ thuật cao trong các ngành mũi nhọn như nói ở trên. Việc đào tạo đội ngũ chuyên gia có tài năng trong ứng dụng triển khai công nghệ chính là biện pháp thực hiện tối ưu phương thức đi tắt đón đầu hoặc đi bằng con đường ngắn nhất đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bước vào ngưỡng cửa của nền kinh tế tri thức. Mặt khác cũng không thể coi nhẹ việc đào tạo các nhà quản trị tương ứng vừa có tầm chiến lược vừa có năng lực điều hành ở tầm vĩ mô và vi mô, nhằm quản lý hiệu quả mọi hoạt động của nền kinh tế quốc dân theo hướng hiện đại hóa. Sự đào tạo đồng bộ các chuyên gia có trình độ cao thuộc các lĩnh vực trên là nhân tố quan trọng bảo đảm cho các bước đi vững

chắc đến với nền kinh tế tri thức trong điều kiện và đặc điểm kinh tế-xã hội của Việt Nam.

2.3 Mở rộng liên kết với hệ thống đào tạo quốc tế, đặc biệt với các nền giáo dục đại học hiện đại của các nước phát triển nhằm tiếp cận và tiếp nhận những tri thức hiện đại, tiến tới liên thông và quốc tế hóa tri thức trong đào tạo nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế. Việc liên kết đào tạo này gồm các bậc học: cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và với các hình thức: giai đoạn đầu đào tạo tại Việt Nam, giai đoạn cuối đào tạo tại các trường đại học đối tác. Biện pháp này sẽ cho phép kết hợp có hiệu quả trên 2 phương diện là thu nhận được những kiến thức hiện đại của thế giới vừa đưa những kiến thức đó thâm nhập một cách thiết thực vào đời sống kinh tế của Việt Nam.

2.4 Đầu tư thích đáng từ nguồn vốn ngân sách cho du học: Việc này đã được các nhà giáo dục có nhiệt huyết kiến nghị từ lâu bởi ý nghĩa đặc biệt quan trọng của nó, nhưng đến 1999 mới trở thành hiện thực. Có thể nói, đào tạo nhân lực có trình độ cao bằng con đường du học là phương sách tối ưu trong tiếp cận và thâm nhập với thế giới tri thức hiện đại. Tuy nhiên cần chọn phương án hiệu quả nhất để thực hiện phương sách đó. Điều này cần cần nhắc đến các yếu tố hữu quan sau:

- Lựa chọn các quốc gia có những thế mạnh trong các lĩnh vực đào tạo phù hợp với yêu cầu của Việt Nam.

- Ưu tiên đào tạo các ngành thực sự là nhu cầu bức xúc đối với Việt Nam trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế và tiến đến kinh tế tri thức như các ngành mũi nhọn của tiến bộ khoa học và quản lý như đã đề cập trên.

- Xác lập tương quan về đào tạo các chuyên gia bậc cao (có học vị thạc sĩ, tiến sĩ) với chuyên gia ứng dụng triển khai công nghệ. Hiện nay, gởi đi đào tạo nước ngoài từ quỹ ngân sách cho các chuyên gia lấy học vị thạc sĩ, tiến sĩ còn chiếm tỷ lệ khá cao, trong khi đào tạo các chuyên gia giỏi trong ứng dụng triển khai công nghệ còn thấp. Chúng ta không quên rằng, với đặc điểm thời đại và đặc thù của Việt Nam hiện nay, con đường ngắn nhất hay "đi tắt đón đầu" để đuổi kịp các nước tiên tiến, thì không được coi nhẹ lực lượng ứng dụng và triển khai công nghệ có tầm cỡ. Thực tế ở Việt Nam trước và nay vẫn còn tình trạng "thừa thầy, thiếu thợ", đặc biệt là thợ có trình độ cao. Do vậy cần cần nhắc toàn diện khi sử dụng quỹ ngân sách cho du học với mục tiêu tiết kiệm và hiệu quả cao nhất đối với điều kiện kinh tế-xã hội Việt Nam.

2.5 Mở rộng con đường du học tự túc: Du học tự túc cũng cần được coi

như một biện pháp đầu tư cho đào tạo mà nhà nước không trực tiếp trang trải kinh phí. Tuy nhiên nhà nước cần có tác động gián tiếp đến "hướng nghiệp" của lực lượng này. Bên cạnh đó nhà nước cũng cần có chính sách hỗ trợ đối với những sinh viên du học tự túc có khả năng phát triển tài năng để thu hút nhân tài phục vụ đất nước. Mặt khác, chúng ta cũng có thể chấp nhận một bộ phận sinh viên du học tự túc lưu lại làm việc ở nước ngoài. Điều này cũng có cái "nhược" và cái "ưu" của nó. Tuy nhiên, nếu nhà nước có chính sách cởi mở thì có thể thu hút họ trở về và mang theo vốn tri thức mà họ đã tích lũy từ những nền khoa học và công nghệ tiên tiến, góp phần đáng kể cho công cuộc xây dựng đất nước. Có thể nói đây là một trong những nguồn lực tri thức tiềm năng cho công cuộc hiện đại hóa và chuẩn bị cho việc tiến vào nền kinh tế tri thức của Việt Nam.

2.6 Cải tiến căn bản phương pháp đào tạo đại học theo hướng hội nhập với hệ thống đào tạo quốc tế: Phương pháp đào tạo của đại học Việt Nam vẫn còn lạc hậu khá xa so với hệ thống giáo dục đại học quốc tế, cụ thể:

- Kiến thức được trang bị trong nhà trường vẫn còn có khoảng cách lớn với hoạt động thực tiễn, chưa tạo cho sinh viên kỹ năng chuyên môn và bản lĩnh nghề nghiệp tương lai.

- Phương pháp giảng dạy còn mang tính áp đặt sinh viên chấp nhận kiến thức truyền đạt của người thầy, tạo ra sự thiếu dân chủ và thụ động trong thu nhận kiến thức của sinh viên.

- Các hình thức và phương pháp thi cử còn nặng nề "kinh viện" chưa phát huy được tính sáng tạo của sinh viên đồng thời cũng không đánh giá đầy đủ năng lực tư duy của sinh viên.

- Phương pháp quản lý đào tạo còn cứng nhắc chưa phát huy được tính tự chủ và tự giác của sinh viên v.v...

Nếu chúng ta không sớm khắc phục những nhược điểm đó, có thể nó sẽ là yếu tố cản trở sự hội nhập của chúng ta vào hệ thống đào tạo quốc tế. Do vậy cần phải thay đổi căn bản phương pháp đào tạo theo nguyên tắc: dân chủ hóa, thực tiễn hóa trong giảng dạy và chủ động hóa, năng động hóa trong học tập của sinh viên. Điều này sẽ tạo cho sinh viên bản lĩnh và tư duy sáng tạo ngay trên ghế nhà trường và dễ dàng hội nhập giữa kiến thức được trang bị với thực tiễn của đời sống kinh tế-xã hội, cũng như giải quyết linh hoạt các vấn đề do thực tế đặt ra và tiếp nhận nhanh chóng những kiến thức mới mẻ của thời đại.

2.7 Sử dụng tối ưu "chất xám" được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau: Đào tạo là để sử dụng và phải có chính sách sử dụng, đặc biệt là trọng

dụng nhân lực có trình độ cao và nhân tài một cách thích đáng. Đó cũng chính là biện pháp bảo đảm hiệu quả trong đào tạo và cho phép khai thác mọi năng lực trí tuệ sẵn có và tiềm tàng cho trước mắt và lâu dài trong tiến trình "tiếp cận", "thâm nhập" và "hội nhập" với nền kinh tế tri thức. Mặt khác đào tạo đi đôi với sử dụng hợp lý cũng chính là khắc phục hiện tượng di chuyển "chất xám", điều mà các nước châu Á hàng năm đã "biểu" cho các nước phát triển đến hàng tỷ đô la và giúp các nước đó, đã phát triển lại phát triển nhanh hơn.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH HỮU QUAN TÁC ĐỘNG ĐẾN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM HƯỚNG TỚI NỀN KINH TẾ TRI THỨC

Có nhiều chính sách liên quan và tác động đến phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam. Song ở đây chúng tôi chỉ đề cập đến những chính sách quan trọng nhất và có tác động tích cực đến giáo dục đại học hướng vào nền kinh tế tri thức. Những chính sách chủ yếu đó là:

1. Khẳng định giáo dục-đào tạo là quốc sách hàng đầu và áp dụng những giải pháp hiệu lực để hiện thực nó.

Sự khẳng định giáo dục-đào tạo là quốc sách hàng đầu, đương nhiên trong lĩnh vực đào tạo nói riêng, cần đi đôi với những định hướng và giải pháp tương ứng, như: chiến lược đào tạo; chính sách đầu tư phát triển sự nghiệp đào tạo; chính sách hợp tác đào tạo quốc tế...; các biện pháp và giải pháp cụ thể để thực hiện các chiến lược và chính sách đó trong từng giai đoạn. Tất cả các yếu tố nói trên không thể tách rời xu thế toàn cầu hóa và hướng tới nền kinh tế tri thức. Điều này cũng chính là cơ sở và động lực để sự nghiệp giáo dục đại học Việt Nam luôn tìm đến con đường phát triển ngang tầm với hệ thống đào tạo hiện đại của thế giới.

2. Duy trì và phát triển chính sách kinh tế mở theo nguyên tắc đa phương hóa và đa diện hóa.

Sự hợp tác quốc tế rộng rãi và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, đòi hỏi phải được đáp ứng bằng nguồn nhân lực mang tính chất quốc tế hóa. Điều này chỉ có thể đạt tới bằng con đường giáo dục đại học ở trình độ cao. Và chỉ có như vậy mới có thể thực hiện được nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi trong quan hệ hợp tác quốc tế. Sự phát triển hợp lý chính sách "kinh tế mở" nói trên là nhân tố kích thích phát triển giáo dục đại học và đòi hỏi giáo dục đại học phải đạt tới đỉnh cao tri thức của thời đại.

3. Thực thi chính sách về khoa học-công nghệ hướng tới xu thế toàn cầu hóa kinh tế và kinh tế tri thức.

Trong xu thế quốc tế hóa kinh tế, khoa học-công nghệ giữ vị trí hàng

đầu. Giao lưu hoặc chuyển giao công nghệ là nhu cầu tất yếu và là tác nhân có tính chất quyết định đến tiến trình hiện đại hóa kinh tế của các nước đang phát triển. Trong thời đại hiện nay khoa học công nghệ tiến bộ nhanh đến mức khó lường. Để tiếp nhận được khoa học-công nghệ hiện đại, Việt Nam cũng như các nước đang phát triển, đòi hỏi phải có nguồn nhân lực đạt trình độ cao và tri thức không ngừng được hoàn thiện. Điều này cũng chính là yêu cầu bức xúc phải xây dựng "công nghệ" đào tạo và tái đào tạo thích ứng.

Tóm lại, nếu có một chính sách về khoa học-công nghệ thích hợp với thời đại, thì đó sẽ là động lực mạnh mẽ cho sự nghiệp đào tạo hướng tới mục tiêu: phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nhân tài, đáp ứng cho tiến trình hội nhập kinh tế toàn cầu và bước tới nền kinh tế tri thức một cách bền vững.

4. Chính sách ưu đãi đối với nhân tài.

Sử dụng có hiệu quả đặc biệt là đối với nhân tài và tri thức "đầu đàn" cũng cần được coi như là một quốc sách. Bởi lực lượng này đóng vai trò rất quan trọng trong tiến trình hiện đại hóa đất nước và tri thức hóa nền kinh tế. Do vậy đòi hỏi phải có chính sách ưu đãi để tập hợp và phát huy tài trí của đội ngũ tri thức này với tư cách là "đầu tàu" thúc đẩy sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học-công nghệ, góp phần đào tạo và tái đào tạo các thế hệ tri thức nối tiếp cho công cuộc hiện đại hóa hôm nay và xây dựng nền kinh tế tri thức ngày mai.

Thay lời kết: Ngay từ trong tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa, Việt Nam phải chuẩn bị những điều kiện cần thiết để đi đến nền kinh tế tri thức và phải chọn phương thức, bước đi thích hợp để đến với nền kinh tế tri thức bằng con đường ngắn nhất. Điều này cũng chính là thách thức lớn đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo; hay nói cách khác, là đất nước đang trao gánh nặng cho sự nghiệp giáo dục đào tạo, mà trong đó giáo dục đại học đóng vai trò có ý nghĩa quyết định. Do vậy, nhiệm vụ hàng đầu đặt ra cho giáo dục đại học ngay từ bây giờ, là phải tiếp tục công cuộc cải cách toàn diện và triệt để mục tiêu, cơ cấu, hệ thống, chương trình và phương pháp đào tạo đại học; nhanh chóng liên thông với hệ thống đào tạo quốc tế, phát triển nhanh nguồn lực trí tuệ ngang tầm thời đại, nhằm tạo bước đi vững chắc để Việt Nam có thể tận dụng thời cơ đến với nền kinh tế tri thức bằng con đường ngắn nhất ■

* Hiệu trưởng Đại học Kinh tế TP.HCM